Số: 1123/QĐ-SGDĐT; 02/11/2026; 7:46:28

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Mã nguồn NS	Khoản	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG											
				Tổng hợp thu hồi dự toán NS năm 2026			Sở Giáo dục và Đào tạo			Trường Cao đẳng Sư phạm			THPT Thanh Chăn		
				TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó	
					Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**			-											
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**			-	-										
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**			-	-										
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**			-											
II	**Dự toán chi NSNN**			**28.251.121,082**	**12.493.450,310**	**15.757.670,772**	**73.396,078**	**73.396,078**	-	**15.819.130,772**	**61.460,000**	**15.757.670,772**	**75.766,500**	**75.766,500**	-
1	**Sự nghiệp Giáo dục**			**12.358.594,232**	**12.358.594,232**	-	-	-	-	-	-	-	**75.766,500**	**75.766,500**	-
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**						-	-	-						
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**			**12.358.594,232**	**12.358.594,232**	-			-			-	**75.766,500**	**75.766,500**	-
	Trong đó:			-		-						-			
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*12*	*074*	*12.358.594,232*	*12.358.594,232*	-			-			-	*75.766,500*	*75.766,500*	
2	**Sự nghiệp đào tạo**			**15.891.130,772**	**133.460,000**	**15.757.670,772**	**72.000,000**	**72.000,000**	-	**15.819.130,772**	**61.460,000**	**15.757.670,772**			
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**			**14.353.200,394**	-	**14.353.200,394**				**14.353.200,394**	-	**14.353.200,394**			
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**			**1.537.930,378**	**133.460,000**	**1.404.470,378**	**72.000,000**	**72.000,000**	-	**1.465.930,378**	**61.460,000**	**1.404.470,378**			
	Trong đó:														
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	*18*	*093*	*609.061,333*	-	609.061,333				609.061,333		609.061,333			
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	*12*	*093*	*237.440,000*	-	237.440,000				237.440,000		237.440,000			
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	*12*	*093*	*416.280,000*	-	416.280,000				416.280,000		416.280,000			
	Trợ cấp xã hội	*12*	*093*	*202.940,000*	*61.460,000*	141.480,000				202.940,000	61.460,000	141.480,000			
	Tinh giản biên chế	*12*	*093*	*209,045*	-	209,045				209,045		209,045			
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào	*12*	*085*	*72.000,000*	*72.000,000*	-	72.000,000	72.000,000		-					
3	**Quản lý hành chính**			**1.396,078**	**1.396,078**	-	**1.396,078**	**1.396,078**							
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**				-										
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**			**1.396,078**	**1.396,078**		**1.396,078**	**1.396,078**	-						
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh	*12*	*341*	*1.396,078*	*1.396,078*	-	1.396,078	1.396,078							
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN							1031713			1032028			1031708	
	Mã kho bạc nơi giao dịch							2.761			2.761			2.761	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG														
		THPT Mường Nhà			THPT Thanh Nưa			PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên			PTDTNT THPT Mường Thanh			THCS và THPT Sín Chải		
		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó	
			Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**														-	
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**														-	
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**														-	
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**															
II	**Dự toán chi NSNN**	**72.878,891**	**72.878,891**	**-**	**86.408,410**	**86.408,410**	**-**	**1.931.337,823**	**1.931.337,823**	**-**	**1.146.662,775**	**1.146.662,775**	**-**	**271.927,728**	**271.927,728**	**-**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**72.878,891**	**72.878,891**	**-**	**86.408,410**	**86.408,410**	**-**	**1.931.337,823**	**1.931.337,823**	**-**	**1.146.662,775**	**1.146.662,775**	**-**	**271.927,728**	**271.927,728**	**-**
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**72.878,891**	**72.878,891**	**-**	**86.408,410**	**86.408,410**	**-**	**1.931.337,823**	**1.931.337,823**	**-**	**1.146.662,775**	**1.146.662,775**	**-**	**271.927,728**	**271.927,728**	**-**
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*72.878,891*	*72.878,891*		*86.408,410*	*86.408,410*	*-*	*1.931.337,823*	*1.931.337,823*		*1.146.662,775*	*1.146.662,775*	*-*	*271.927,728*	*271.927,728*	*-*
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**														-	
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**														-	
	Trong đó:															
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP															
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP															
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg															
	Trợ cấp xã hội															
	Tinh giản biên chế															
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào															
3	**Quản lý hành chính**														-	
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**														-	
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**														-	
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh															
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1033926			1098183			1031668			1098180			1082048	
	Mã kho bạc nơi giao dịch		2.761			2.761			2.761			2.761			2.762	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG														
		THCS và THPT Quyết Tiến			PTDTNT THPT Tủa Chùa			THPT Na Sang			THPT Mường Lay			DTNT Na Sang		
		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó	
			Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**															
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**															
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**															
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**															
II	**Dự toán chi NSNN**	**281.037,391**	**281.037,391**	**-**	**652.127,236**	**652.127,236**	**-**	**120.979,458**	**120.979,458**	**-**	**172.328,143**	**172.328,143**	**-**	**1.010.634,194**	**1.010.634,194**	**-**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**281.037,391**	**281.037,391**	**-**	**652.127,236**	**652.127,236**	**-**	**120.979,458**	**120.979,458**	**-**	**172.328,143**	**172.328,143**	**-**	**1.010.634,194**	**1.010.634,194**	**-**
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**281.037,391**	**281.037,391**	**-**	**652.127,236**	**652.127,236**	**-**	**120.979,458**	**120.979,458**	**-**	**172.328,143**	**172.328,143**	**-**	**1.010.634,194**	**1.010.634,194**	**-**
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*281.037,391*	*281.037,391*	*-*	*652.127,236*	*652.127,236*	*-*	*120.979,458*	*120.979,458*		*172.328,143*	*172.328,143*		*1.010.634,194*	*1.010.634,194*	*-*
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**				**-**	**-**	**-**
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**								**-**							
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**								**-**					**-**		
	Trong đó:															
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP															
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP															
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg															
	Trợ cấp xã hội															
	Tinh giản biên chế															
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào															
3	**Quản lý hành chính**								-							
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**								-							
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**								-							
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh															
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1127252			1098185			1031709			1031714			1098181	
	Mã kho bạc nơi giao dịch		2.762			2.762			2.763			2.763			2.763	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG														
		THPT Tuần Giáo			THPT Mùn Chung			PTDTNT THPT Tuần Giáo			THPT Trần Can			THPT Mường Luân		
		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó	
			Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi
A	B	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**															
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**															
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**															
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**															
II	**Dự toán chi NSNN**	**269.400,000**	**269.400,000**	**-**	**57.739,800**	**57.739,800**	**-**	**975.950,000**	**975.950,000**	**-**	**181.664,223**	**181.664,223**	**-**	**30.392,750**	**30.392,750**	**-**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**269.400,000**	**269.400,000**	**-**	**57.739,800**	**57.739,800**	**-**	**975.950,000**	**975.950,000**	**-**	**181.664,223**	**181.664,223**	**-**	**30.392,750**	**30.392,750**	**-**
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**269.400,000**	**269.400,000**	**-**	**57.739,800**	**57.739,800**	**-**	**975.950,000**	**975.950,000**	**-**	**181.664,223**	**181.664,223**	**-**	**30.392,750**	**30.392,750**	**-**
	Trong đó:	-														
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*269.400,000*	*269.400,000*		*57.739,800*	*57.739,800*		*975.950,000*	*975.950,000*		*181.664,223*	*181.664,223*		*30.392,750*	*30.392,750*	
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**													
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**															
	Trong đó:															
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP															
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP															
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg															
	Trợ cấp xã hội															
	Tinh giản biên chế															
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào															
3	**Quản lý hành chính**								-		-					
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**															
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**															
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh															
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1031710			1031216			1098184			1031763			1033362	
	Mã kho bạc nơi giao dịch		2.764			2.764			2.764			2.766			2.766	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG														
		PTDTNT THPT Na Son			PTDTNT THPT Mường Nhé			THPT Mường Ảng			THPT Búng Lao			PTDTNT THPT Mường Ảng		
		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó	
			Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi
A	B	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**															
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**															
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**															
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**															
II	**Dự toán chi NSNN**	**1.270.828,432**	**1.270.828,432**	**-**	**1.107.081,405**	**1.107.081,405**	**-**	**124.093,000**	**124.093,000**	**-**	**123.414,281**	**123.414,281**	**-**	**1.031.231,388**	**1.031.231,388**	**-**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**1.270.828,432**	**1.270.828,432**	**-**	**1.107.081,405**	**1.107.081,405**	**-**	**124.093,000**	**124.093,000**	**-**	**123.414,281**	**123.414,281**	**-**	**1.031.231,388**	**1.031.231,388**	**-**
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**1.270.828,432**	**1.270.828,432**	**-**	**1.107.081,405**	**1.107.081,405**	**-**	**124.093,000**	**124.093,000**	**-**	**123.414,281**	**123.414,281**	**-**	**1.031.231,388**	**1.031.231,388**	**-**
	Trong đó:															
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*1.270.828,432*	*1.270.828,432*		*1.107.081,405*	*1.107.081,405*		*124.093,000*	*124.093,000*		*123.414,281*	*123.414,281*		*1.031.231,388*	*1.031.231,388*	
2	**Sự nghiệp đào tạo**															
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**															
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**															
	Trong đó:															
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP															
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP															
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg															
	Trợ cấp xã hội															
	Tinh giản biên chế															
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào															
3	**Quản lý hành chính**															
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**															
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**															
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh															
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1098179			1098182			1031712			1033924			1098379	
	Mã kho bạc nơi giao dịch		2.766			2.768			2.769			2.769			2.769	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG									GHI CHÚ
		THPT Mường Chà			THPT Nà Hỳ			PTDTNT THPT Nà Hỳ			
		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		TỔNG SỐ	Trong đó		
			Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi		Thu hồi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước tại VB số 187/KTNN-TH ngày 27/8/2026: Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi	Thu hồi kinh phí năm 2026 hết nhiệm vụ chi	
A	B	73	74	78	76	77	78	79	80	81	82
I	**Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ**										
1	**Số thu nguồn vốn viện trợ**										
2	**Chi từ nguồn vốn viện trợ**										
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**										
II	**Dự toán chi NSNN**	**134.384,932**	**134.384,932**	**-**	**326.336,840**	**326.336,840**	**-**	**903.988,632**	**903.988,632**	**-**	
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**134.384,932**	**134.384,932**	**-**	**326.336,840**	**326.336,840**	**-**	**903.988,632**	**903.988,632**	**-**	
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**										
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**134.384,932**	**134.384,932**	**-**	**326.336,840**	**326.336,840**	**-**	**903.988,632**	**903.988,632**	**-**	
	Trong đó:										
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSĐP)	*134.384,932*	*134.384,932*		*326.336,840*	*326.336,840*		*903.988,632*	*903.988,632*		
2	**Sự nghiệp đào tạo**										
2.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**										
2.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**										
	Trong đó:										
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP										
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP										
	Chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg										
	Trợ cấp xã hội										
	Tinh giản biên chế										
	Đề án Đào tạo hợp tác giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào										
3	**Quản lý hành chính**										
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**										
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**										
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh										
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1082049			1123866			1126819		
	Mã kho bạc nơi giao dịch		2.771			2.771			2.771		